

## **ĐÁNH GIÁ CỦA GIÁNG VIÊN VỀ HIỆU QUẢ GIẢNG DẠY ONLINE TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP. HỒ CHÍ MINH**

PHẠM THỊ OANH, ĐÀO THỊ NGUYỆT ÁNH, ĐỖ THỊ THÌN,  
LÝ THANH BÌNH, NGUYỄN THỊ NGỌC ĐIỆP  
*Khoa Khoa học Cơ bản, Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh*  
*phamthioanh@iuh.edu.vn,*

**Tóm tắt.** Nghiên cứu thu thập đánh giá của giảng viên trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (IUH) về hiệu quả giảng dạy của các lớp học trực tuyến tại Trường. Dữ liệu được thu thập bằng bảng câu hỏi khảo sát, với sự tham gia của 126 giảng viên. Giảng viên đánh giá cao mức độ nỗ lực của sinh viên nhưng chỉ đánh giá mức độ tương tác, tiếp thu bài giảng, hứng thú, hài lòng của sinh viên ở mức trung bình. Mức độ tương tác giữa sinh viên với sinh viên trong và ngoài giờ học còn hạn chế. Các giảng viên cũng cho rằng mức độ tương tác, nỗ lực, hứng thú của sinh viên trong lớp học trực tuyến thấp hơn nhiều so với các lớp học truyền thống. Tuy nhiên, mức độ tiếp thu bài và kết quả học tập của sinh viên của lớp học online và lớp học truyền thống không có chênh lệch đáng kể. Để bổ sung kết quả định tính cho nghiên cứu, nhóm nghiên cứu còn tiến hành một cuộc thảo luận nhóm với sự tham gia của 10 giảng viên đã tham gia giảng dạy trực tuyến từ học kỳ II năm học 2019 -2020. Dựa trên kết quả thu được từ khảo sát online và thảo luận nhóm, nhóm nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy trực tuyến tại IUH. Nhà trường nên hỗ trợ sinh viên về kỹ năng tin học; nâng cấp về phương tiện, thiết bị học tập; sắp xếp thời gian biểu phù hợp. Giảng viên cần thay đổi phương pháp, cách tiếp cận sinh viên để nâng cao tương tác và tạo hứng thú học tập.

**Từ khóa.** Giảng dạy trực tuyến, giảng viên, sinh viên, IUH, hiệu quả, so sánh, tương tác giữa sinh viên với sinh viên, hứng thú học tập, hài lòng.

### **LECTURERS' ASSESSMENT ON THE EFFECTIVENESS OF ONLINE TEACHING AT THE INDUSTRIAL UNIVERSITY OF HO CHI MINH CITY**

**Abstract:** The study collected data on how lecturers of Industrial University of Ho Chi Minh city (IUH) evaluated the effectiveness of online teaching conducted at the University. Data were collected through an online survey with the participation of 126 lecturers. Lecturers highly evaluated their students' effort but appreciated their interaction, lesson acquisition, interest and satisfaction at a moderate level. The student-student interaction inside and outside classroom was limited. The lecturers also said that the levels of student interaction, effort, and interest in learning in online classes were much lower than those in traditional classes. However, there was no significant difference in students' lesson acquisition and grade point average between online and traditional classes. To add qualitative data to the study, the researchers held a group discussion with 10 lecturers who participated in online teaching in the second semester of the 2019- 2020 school year. Based on the results of the online survey and the group discussion, the researchers put forward some suggestions for improving the effectiveness of online teaching at IUH. The university should equip students with more computer skills; upgrade facilities and learning equipment; and arrange suitable learning schedules. In addition, lecturers should change their teaching methods to enhance student interaction and stimulate student learning interest.

**Key words.** online teaching, IUH lecturers and students, effectiveness, comparison, student-student interaction, learning interest, satisfaction.

## **1. ĐẶT VẤN ĐỀ**

### **1.1. Bối cảnh nghiên cứu**

Trong thời đại công nghệ phát triển và cải tiến không ngừng, các lĩnh vực của xã hội tất yếu phải đi theo xu hướng công nghệ để bắt kịp với tốc độ phát triển chung. Trong đó, giáo dục khá nhạy bén với sự phát triển của công nghệ. Nhờ công nghệ mà giáo dục chuyển mình liên tục: các mô hình giảng dạy mới

dần được đa dạng hoá phù hợp với nhiều đối tượng người học khác nhau, việc dạy học dần trở nên thú vị và thuận tiện hơn bao giờ hết. Mô hình giáo dục trực tuyến là một phương pháp giảng dạy tiên tiến và được áp dụng rộng rãi và phổ biến trong nền giáo dục hiện nay.

Vào năm 1999, tại Mỹ mô hình giáo dục trực tuyến lần đầu tiên xuất hiện. Thông qua Internet người học có thể tiếp cận môi trường học tập hoàn toàn mới. Đến năm 2010 với sự phát triển vượt trội của các nền tảng ứng dụng (Facebook, Instagram, Google Plus...), giáo dục trực tuyến đã thực sự bùng nổ và ghi tên mình vào nền công nghiệp sôi động của thế giới [1]. Theo Huỳnh Văn Sơn (2020), đào tạo trực tuyến rất cần được đầu tư bài bản, cần đầu tư phù hợp với người dạy và người học. Ứng dụng thành quả của giáo dục trực tuyến là một nhu cầu, là hình thức đào tạo có hiệu quả đối với nền giáo dục Việt Nam [2]. Ở Việt Nam, bằng việc kết nối Internet băng thông và được triển khai đồng bộ ở các trường học, giáo dục trực tuyến đã bắt đầu ở giai đoạn phát triển [3]. Sự phát triển của giáo dục trực tuyến đóng vai trò chủ đạo vì đáp ứng được chủ trương của Bộ giáo dục và Đào tạo trong giai đoạn mới: xây dựng xã hội học tập (mọi công dân đều có cơ hội học tập) và hướng tới mục tiêu: học bất cứ thứ gì, bất kỳ lúc nào, bất cứ nơi đâu và đặc biệt là học tập suốt đời [4].

Từ tháng 2 năm 2020, khi đại dịch Covid -19 bùng phát ở Việt Nam, các cấp lãnh đạo đã chỉ đạo kịp thời hệ thống giáo dục quốc gia nhằm ứng phó với diễn biến của dịch Covid -19 phù hợp với xu thế toàn cầu, việc chỉ đạo cho học sinh và sinh viên không đến trường để phòng chống đại dịch Covid-19 đã tạo cơ hội cho hệ thống giáo dục Việt Nam triển khai đồng bộ việc dạy và học trực tuyến. Vào tháng 3/2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành công văn số 795/BGDĐT- GDĐH nhằm chi tiết hóa và hướng dẫn việc triển khai về dạy và học trực tuyến cho cả hệ thống giáo dục theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin [5]. Ở bậc đại học, nhiều trường đã áp dụng đào tạo trực tuyến ở các cấp độ khác nhau. Về phía người dạy, họ đã ứng phó rất nhanh, bởi vì việc học trực tuyến trong bối cảnh Covid-19 là giải pháp tình thế cấp bách. Nghiên cứu của Nguyen và cộng sự vào năm 2020 được thực hiện trong giai đoạn đầu áp dụng học trực tuyến ở Việt Nam, đã chỉ ra ứng dụng công nghệ trực tuyến có ý nghĩa tích cực đối với giáo dục đại học ở Việt Nam trong tình huống ứng phó với thực trạng Covid -19; đối với người học, họ thích ứng kịp thời và giáo dục trực tuyến không ảnh hưởng nhiều đến thái độ của người học [6]. Tháng 10, năm 2021, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tiếp công văn 4003/BGDĐT-CNTT, hướng dẫn cụ thể việc thực hiện ứng dụng Công nghệ thông tin trong năm học 2020 -2021 [7]. Theo chỉ đạo chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, kể từ tháng 3 năm 2020 đến nay, trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (IUH) đã triển khai hình thức giảng dạy và học tập trực tuyến theo hình thức Online- Learning. Giảng viên và sinh viên được đào tạo bước đầu để triển khai chương trình học tập trên nền tảng công nghệ Zoom và Learning Management System (LMS) nhằm đảm bảo tiến độ đào tạo cũng như chung tay với chiến dịch phòng chống Covid- 19 của toàn Đảng, toàn dân.

Để nhìn lại hiệu quả của phương pháp giảng dạy và học tập online trong thời gian qua, nhóm nghiên cứu chúng tôi thực hiện đề tài nghiên cứu “Đánh giá của giảng viên về hiệu quả giảng dạy online tại trường Đại học Công Nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh”. Mục tiêu của nghiên cứu nhằm đánh giá hiệu quả của phương pháp giảng dạy mới và tìm kiếm những biện pháp kịp thời, khắc phục những hạn chế hiện tại để nâng cao hiệu quả dạy và học online của giảng viên và sinh viên tại trường IUH. Kết quả của nghiên cứu này sẽ là tiền đề cho các nghiên cứu sâu hơn về dạy và học trực tuyến tại trường IUH nhằm tìm ra những định hướng phát triển cho hình thức đào tạo mới này.

## 2.2. Cơ sở lý thuyết của đề tài

### a. Khái niệm “học tập trực tuyến”

Cùng với sự phát triển của giáo dục trực tuyến trong thời đại Cách mạng Công nghiệp 4.0, trong các công trình nghiên cứu về học tập trực tuyến, các nhà nghiên cứu đã đưa ra các định nghĩa để nhận diện và phân biệt về khái niệm học tập trực tuyến:

- Theo nghiên cứu của Howlett và cộng sự (2009), học tập trực tuyến là sử dụng công nghệ và phương tiện điện tử để học tập và giảng dạy nhằm cung cấp nội dung bài học, giáo viên và người học có sự hỗ trợ và tăng cường giao tiếp trong quá trình học tập [8].
- Nghiên cứu của Clark và Mayer (2016) nêu ra định nghĩa e-Learning là sử dụng các thiết bị kỹ thuật số với mục đích hỗ trợ học tập [9].

- Joi L. Moorea và Camille Dickson-Deaneb (2010) đi nghiên cứu sâu sự khác biệt giữa các khái niệm E - Learning, Online – Learning và Distance – Learning. Nhóm nghiên cứu nhận định, Online - Learning là khái niệm khó phân biệt nhất trong ba khái niệm. Để phân biệt Online - Learning, nhóm nghiên cứu nêu định nghĩa về Online – Learning qua việc tổng kết các phát biểu trong 8 công trình nghiên cứu trước đó. Trong đó, các phát biểu đáng chú ý về Online – Learning là “Học tập trực tuyến cho thấy sự kết nối liên tục, tiện lợi, linh hoạt”, “Học tập trực tuyến là một quá trình xã hội mới đang bắt đầu hoạt động như một sự thay thế hoàn toàn cho cả đào tạo từ xa và lớp học truyền thống” [10].

- Trịnh Văn Biều (2012) đã nêu ra 05 hình thức đào tạo trực tuyến điển hình. Trong đó, tác giả đã nêu rõ Online - Learning/Training là hình thức đào tạo có sử dụng kết nối mạng để thực hiện việc học như: lấy tài liệu học, xem chương trình, giao tiếp giữa người học với nhau và với giáo viên [11]. Đó cũng là kết quả tổng kết của Zandberg và Lewis (2008) về các hình thức đào tạo trực tuyến phổ biến trên thế giới [12].

Hình thức đào tạo trực tuyến phổ biến tại trường IUH hiện nay là Online – Learning. Trong đó, hoạt động giảng dạy và học tập của giảng viên và sinh viên trường IUH 100% tiết học Online được triển khai qua phần mềm Zoom meeting. Và để hỗ trợ hoạt động giảng dạy Online – Learning trên Zoom, giảng viên cung cấp nguồn học liệu cho sinh viên trên phần mềm LMS.

#### *b. Hiệu quả giảng dạy Online*

Việc triển khai hình thức giảng dạy Online cũng mang lại những hiệu quả thiết thực. Có nhiều công trình nghiên cứu đã đi sâu phân tích và đánh giá những hiệu quả đạt được của phương pháp giảng dạy này. Nguyễn Văn Biều (2012) đã đánh giá Online Learning có rất nhiều lợi ích xét ở các góc độ: người học, cơ sở đào tạo và xã hội. Cụ thể, người học sẽ phá vỡ rào cản không gian và thời gian khi họ có thể học ở mọi nơi, mọi lúc; người học chủ động trong việc học khi họ tự điều chỉnh thời gian và đăng ký học tập; người học được rèn luyện khả năng tự học; người học có thể tiếp thu kiến thức đa dạng, có cơ hội trao đổi, học tập. Bên cạnh đó, giảng dạy Online giúp cơ sở đào tạo có thể dễ dàng quản lý và kiểm soát khóa học, giảm chi phí đào tạo [11]. Lê Hữu Nghĩa và đồng tác giả (2021) đã đánh giá cụ thể hiệu quả giảng dạy online tại Khoa Y học Cổ truyền tại trường Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh trên 3 phương diện: “Hiệu quả phần mềm trực tuyến đang sử dụng cho hoạt động giảng dạy và học tập”, “Mức độ truyền tải và mức độ tiếp thu bài giảng thông qua phương pháp giảng dạy và học tập trực tuyến”, và “Hiệu quả chung của phương pháp giảng dạy và học tập trực tuyến” và thu được những kết quả khả quan. Giảng viên và sinh viên tham gia khảo sát đều đánh giá các phương diện ở mức khá, tốt trở lên. Cụ thể, chất lượng phần mềm phục vụ hoạt động dạy học trực tuyến được giảng viên, sinh viên đánh giá ở mức tốt. Hiệu quả hoạt động dạy học trực tuyến ở mức độ truyền tải nội dung bài giảng giảng viên đánh giá là 76,7%, ở mức độ tiếp thu nội dung bài giảng sinh viên đánh giá là 80,4%. Giảng viên và sinh viên đều nhận xét rằng: hình thức dạy học trực tuyến phù hợp với các môn học lý thuyết, còn đối với các môn học thực hành thì việc dạy học Online có những khó khăn nhất định [14].

#### *c. Nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả giảng dạy trực tuyến*

Theo nghiên cứu của Lê Hữu Nghĩa và đồng tác giả (2021), giảng viên tham gia khảo sát cho rằng “khả năng tương tác giữa giảng viên và sinh viên” và “chất lượng hình ảnh truyền tải” là vấn đề còn hạn chế trong việc giảng dạy trực tuyến, còn sinh viên lại cho rằng “chất lượng âm thanh truyền tải” và “chất lượng hình ảnh truyền tải” là hai tiêu chí cần quan tâm đối với hoạt động học tập trực tuyến [14]. Lakbala (2016) cũng đã từng đưa ra nhận định tương tự: “Những rào cản khác nhau mà các nhà giáo dục nghề nghiệp gặp phải trong việc thực hiện giảng dạy trực tuyến ở một quốc gia có thu nhập thấp như I-ran là quyền truy cập vào máy tính bị hạn chế và cơ sở hạ tầng vật chất kém” [15]. Phan Chí Thành (2018) cũng từng đánh giá rằng giáo dục đại học đang đứng trước nhiều thách thức lớn trong thời đại Cách mạng Công nghệ 4.0. Sự xuất hiện của công nghệ mới đòi hỏi yêu cầu mới về năng lực nhân sự, về khoa học công nghệ và về tri thức [16]. Lê Văn Toán và Trương Thị Diễm (2020) khẳng định thêm rằng Cách mạng Công nghệ 4.0 đã đặt ra những thách thức to lớn đối với E-learning. Để có được môi trường đào tạo E-learning tốt, hiện đại, nhà trường phải đầu tư vào khoa học công nghệ (Đây chính là rào cản, thách thức lớn nhất). Bên cạnh đó, nội dung giảng dạy của E-learning cũng đòi hỏi chất lượng cao hơn, chất lượng và tốn nhiều công sức hơn [17]. Để có thể đánh giá rộng rãi hơn về các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả giảng dạy trực tuyến, Ali và nhóm đồng tác giả (2018) đã xem xét các công trình có liên quan, được công bố trong giai đoạn 1990-2016. Từ đó, các tác giả xác định rằng có 68 yếu tố có thể gây cản trở cho sự

thành công của hoạt động dạy học trực tuyến. Trong số đó, chất lượng phần mềm (công nghệ) là một trong những yếu tố chính ảnh hưởng đến hiệu quả giảng dạy online [18]. Cùng có kết quả tương tự, Musa và Othman (2012) thông qua khảo sát 850 sinh viên bậc cử nhân đã xác định trong 4 yếu tố: người học, người dạy, cung cấp tài liệu học tập, công nghệ thì công nghệ là yếu tố quan trọng nhất [19].

Ở góc nhìn khác, Hye Chang và Heeyoung Han (2020) nhấn mạnh giảng dạy trực tuyến dù có khó khăn cũng có thể tạo các diễn đàn, tạo điều kiện tương tác giữa người học và người hướng dẫn [20]. Nhóm nghiên cứu Diane O’Doherty và cộng sự (2018) lại đi đánh giá tổng hợp theo chủ đề về các rào cản và tìm kiếm giải pháp chính cho sự phát triển giảng dạy trực tuyến từ quan điểm của nhà giáo dục, trong đó các tác giả tìm 4 rào cản chính gồm các kỹ năng, nguồn lực, chiến lược và hỗ trợ của tổ chức, thái độ có tác động nhiều đến hiệu quả giảng dạy Online [21].

## 2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1 Đối tượng, thời gian, địa điểm nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Đánh giá hiệu quả giảng dạy (HQGD) online tại trường IUH.
- Thời gian: Từ tháng 9 năm 2020 đến tháng 4 năm 2021. Kết quả khảo sát được điều tra ở hai thời điểm: tháng 10 năm 2020 và tháng 4 năm 2021.
- Địa điểm: Tại trường IUH.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu bằng bảng câu hỏi khảo sát online.

Phương pháp chọn mẫu phi xác suất – thuận tiện. Kích cỡ mẫu gồm 126 giảng viên. Phiếu khảo sát được gửi đến những giảng viên mà nhóm nghiên cứu quen biết thuộc các Khoa, các Viện. Dựa trên thông tin thu thập và quan sát, giảng viên tham gia khảo sát phải đảm bảo điều kiện cần là giảng viên có tham gia giảng dạy online trong học kỳ II năm học 2019-2020, nhóm nghiên cứu tổng hợp danh sách và gửi phiếu khảo sát online đến địa chỉ của từng giảng viên qua <https://gv.iuh.edu.vn/login.html>.

Phiếu câu hỏi có 21 câu hỏi, trong đó có 02 câu hỏi cho những thông tin cá nhân và 19 câu hỏi gồm 28 mục hỏi cho 05 chỉ báo đo lường đánh giá của giảng viên về HQGD online. Thang đo Likert (3 điểm, 4 điểm, 5 điểm) được sử dụng để đo lường các đánh giá. Là nghiên cứu hỗn hợp, nghiên cứu này đã sử dụng số liệu định tính và số liệu định lượng và phần lớn thông tin khảo sát là để phục vụ cho mục tiêu phân tích mô tả về đối tượng nghiên cứu. Tên các chỉ báo, số mục hỏi, nội dung của chỉ báo được trình bày chi tiết trong bảng 1.

Bảng 1: Các chỉ báo đánh giá HQGD online của giảng viên trường IUH

Khái niệm	Chỉ báo	Câu hỏi	Số mục hỏi	Dữ liệu thu thập
HQGD online	Mức độ tương tác trong các lớp học online	Mức độ tương tác	4	Đánh giá mức độ tương tác trong giờ học và ngoài giờ học giữa sinh viên với sinh viên và giữa giảng viên với sinh viên ở các mức độ thấp, trung bình, cao.
		Cách thức tương tác	4	Đánh giá cách thức tương tác trong giờ học và ngoài giờ học giữa sinh viên với sinh viên và giữa giảng viên với sinh viên ở các hình thức phát vấn, thuyết trình, bài tập, hoạt động nhóm, hình thức khác.
		Hiệu quả của tương tác	1	Đánh giá hiệu quả tương tác ở 4 mức độ: không tốt, trung bình, tốt, rất tốt.
		Mức độ tương tác trong các lớp học online so với các lớp học offline	1	Đánh giá so sánh mức độ tương tác trong các lớp học online so với lớp học truyền thống ở 5 mức độ: thấp hơn nhiều, thấp hơn không đáng kể, ngang bằng, cao hơn không đáng kể, cao hơn nhiều.

Mức độ tiếp thu của sinh viên trong các lớp học online	Mức độ tiếp thu bài giảng	1	Đánh giá mức độ tiếp thu bài giảng ở 3 mức: thấp, trung bình, cao.
	Cấp độ tiếp thu kiến thức	1	Đánh giá cấp độ tiếp thu kiến thức ở 4 cấp độ: ghi nhớ, hiểu, vận dụng, sáng tạo.
	Mức độ tiếp thu của sinh viên trong các lớp học online so với các lớp học offline	1	Đánh giá so sánh mức độ tiếp thu kiến thức của sinh viên các lớp học online so với lớp học truyền thống ở 5 mức độ: thấp hơn nhiều, thấp hơn không đáng kể, ngang bằng, cao hơn không đáng kể, cao hơn nhiều.
Mức độ nỗ lực của sinh viên trong các lớp học online	Mức độ thường xuyên tham gia các lớp học online	1	Đánh giá mức độ thường xuyên tham gia lớp học ở 4 mức độ: tham gia ít (20- < 40% buổi học), tham gia trung bình (40 - < 70% buổi học), tham gia thường xuyên (70 - < 100% buổi học), tham gia đầy đủ (100% các buổi học).
	Mức độ tham gia các hoạt động học tập	1	Đánh giá mức độ tham gia hoạt động học tập ở 4 mức độ: không tích cực, bình thường, tích cực, rất tích cực.
	Mức độ thường xuyên hoàn thành các bài tập	1	Đánh giá mức độ thường xuyên hoàn thành bài tập ở 4 mức độ: không bao giờ, thỉnh thoảng, rất thường xuyên, thường xuyên.
	Mức độ hoàn thành các bài tập	1	Đánh giá mức độ hoàn thành bài tập ở 4 mức độ: kém, trung bình, khá, tốt.
	Mức độ hoàn thành bài tập đúng thời hạn	1	Đánh giá mức độ hoàn thành bài tập đúng thời hạn ở 3 mức độ: Trễ thời hạn, đúng thời hạn, trước thời hạn.
	Mức độ nỗ lực của sinh viên trong các lớp học online so với các lớp học offline	1	Đánh giá so sánh mức độ nỗ lực của sinh viên các lớp học online so với lớp học truyền thống ở 5 mức độ: thấp hơn nhiều, thấp hơn không đáng kể, ngang bằng, cao hơn không đáng kể, cao hơn nhiều.
Mức độ hứng thú của sinh viên trong các lớp học online	Mức độ hứng thú với các giờ học online	1	Đánh giá mức độ hứng thú của sinh viên với các giờ học online ở 5 mức độ: hoàn toàn không hứng thú, không hứng thú, bình thường, hứng thú, rất hứng thú.
	Mức độ hứng thú của sinh viên trong các lớp học online so với các lớp học offline	1	Đánh giá so sánh mức độ hứng thú của sinh viên trong các lớp online so với lớp học truyền thống ở 5 mức độ: thấp hơn nhiều, thấp hơn không đáng kể, ngang bằng, cao hơn không đáng kể, cao hơn nhiều.
Mức độ hài lòng trong các lớp học online	Cảm nhận của giảng viên về các lớp học online xét theo các phương diện	4	Đánh giá cảm nhận về lớp học online trên các phương diện: điều kiện học tập và giảng dạy, thái độ học tập của sinh viên, phương pháp học tập online của sinh viên, kết quả học tập của sinh viên ở 5 mức độ: hoàn toàn không hài lòng, không hài lòng, bình thường, hài lòng, rất hài lòng
	Mức độ hài lòng với hình thức học tập online của sinh viên	1	Đánh giá mức độ hài lòng với hình thức học tập online của sinh viên ở 5 mức độ: hoàn toàn không hài lòng, không hài lòng, bình thường, hài lòng, rất hài lòng.

		Mức độ hài lòng của sinh viên trong các lớp học online so với các lớp học offline	1	Đánh giá so sánh mức độ hài lòng về lớp học online so với lớp học truyền thống ở 5 mức độ: thấp hơn nhiều, thấp hơn không đáng kể, ngang bằng, cao hơn không đáng kể, cao hơn nhiều.
	Kết quả học tập của các lớp học online	Kết quả học tập của sinh viên các lớp học online so với các lớp học offline	1	Đánh giá so sánh về kết quả học tập của lớp học online so với lớp học truyền thống ở 5 mức độ: thấp hơn nhiều, thấp hơn không đáng kể, ngang bằng, cao hơn không đáng kể, cao hơn nhiều.

- Phương pháp thảo luận nhóm với sự tham gia của 10 giảng viên đã tham gia cả 3 kỳ học giảng dạy online: kỳ II năm học 2019-2020, học kỳ I và II năm học 2020 - 2021. Tiến hành thảo luận nhóm với 02 nội dung, tập trung vào định hướng các biện pháp nâng cao HQGD online.

+ Nội dung 1: Biện pháp giảng viên sử dụng để nâng cao mức độ tương tác trong và ngoài giờ học (tương tác giữa giảng viên với sinh viên và giữa sinh viên với sinh viên), so sánh sự thay đổi về mức độ tương tác giữa HK II năm 2020 và HK II năm 2021.

+ Nội dung 2: Giảng viên nhận xét về công nghệ hỗ trợ giảng dạy online tại trường IUH và cách sử dụng công nghệ hiệu quả.

### 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

#### 3.1. Đặc điểm của mẫu khảo sát

Bảng 2: Thông số mẫu khảo sát

Môn thuộc ngành	Số mẫu	Tỷ lệ
Công nghệ	51	40.5
Cơ bản	23	18.3
Kinh tế	20	15.9
Kỹ năng	11	8.7
Ngôn ngữ, Luật	7	5.6
Thời trang, Quản trị, Môn khác	4	3.2
Du lịch	1	0.8
<b>Số lớp giảng dạy</b>		
1 lớp	43	34.1
2 lớp	42	33.3
3 lớp	17	13.5
4 lớp	13	10.3
5 lớp	6	4.8
Trên 5 lớp	5	4

Bảng 2 là đặc điểm của 126 mẫu khảo sát. Trong đó, số phiếu được phân phát đến tất cả giảng viên phụ trách môn học thuộc nhiều ngành, ngành nào cũng có giảng viên tham gia khảo sát. Giảng viên dạy các môn thuộc khối ngành công nghệ chiếm tỷ lệ cao nhất (40.5%), tiếp đến là giảng viên thuộc khoa cơ bản (18.3%) và thuộc khối kinh tế (15.9%). Giảng viên dạy các môn thuộc ngành du lịch chiếm tỷ lệ thấp nhất (0.8%). Thông tin thu được từ các mẫu này, mang tính đại diện cao. Các giảng viên tham gia khảo sát đa phần phụ trách giảng dạy nhiều lớp. Trong đó, giảng viên tham gia giảng dạy 1 lớp chiếm tỷ lệ 34.1%, các giảng viên dạy từ 2 lớp trở lên chiếm 65.9%. Việc các giảng viên dạy nhiều lớp online tham gia khảo sát giúp tăng mức độ tin cậy cho thông tin khảo sát.

**3.2. Đánh giá HQGD qua mức độ tương tác trong các lớp học online**

Bảng 3: Mức độ tương tác trong lớp học online

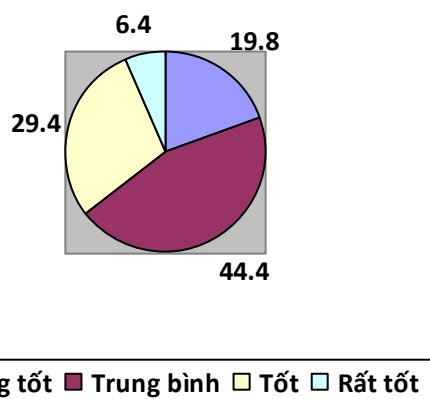
Đánh giá về mức độ tương tác của sinh viên trong các lớp học online	Thấp	Tỷ lệ	Trung bình	Tỷ lệ	Cao	Tỷ lệ
Tương tác trong giờ học giữa sinh viên với sinh viên	62	49%	47	37%	17	14%
Tương tác trong giờ học giữa sinh viên với giảng viên	24	19%	71	56%	31	25%
Tương tác ngoài giờ học giữa sinh viên với sinh viên	45	35%	50	40%	31	25%
Tương tác ngoài giờ học giữa sinh viên với giảng viên	39	31%	52	41%	35	28%

Kết quả khảo sát thu được ở bảng 3 cho thấy, mức độ tương tác trong các lớp học online có sự phân hóa rõ rệt. Trong nghiên cứu này, chúng tôi khảo sát mức độ tương tác giữa sinh viên với sinh viên và tương tác giữa sinh viên và giảng viên. Các tương tác này bao gồm tương tác tại các thời điểm trong giờ học và sau giờ học. Đánh giá mức độ tương tác ở các thời điểm trong và ngoài giờ học, giúp chúng tôi có cái nhìn bao quát, xuyên suốt quá trình học tập và đánh giá sâu sát hơn. Kết quả khảo sát cho thấy mức độ tương tác giữa sinh viên và sinh viên ở mức thấp ở cả trong và ngoài giờ học. Cụ thể, có đến 49% giảng viên được khảo sát (62 người) cho rằng tương tác của sinh viên với nhau trong giờ học chỉ ở mức độ thấp, chỉ có 14% (17 người) đánh giá sự tương tác này ở mức độ cao. Mức độ tương tác giữa sinh viên và sinh viên ngoài giờ học cũng cho kết quả gần tương tự với tỷ lệ giảng viên đánh giá sinh viên tương tác với nhau ở mức độ thấp chiếm đến 45%. Mức độ tương tác giữa sinh viên và giảng viên cao hơn mức độ tương tác giữa sinh viên với nhau. Tỷ lệ giảng viên cho rằng sự tương tác giữa mình và sinh viên trong giờ học ở mức độ trung bình lên đến 56%, tỷ lệ này ngoài giờ học là 41%. Tỷ lệ giảng viên đánh giá tương tác giữa giảng viên và sinh viên trong và ngoài giờ học ở mức độ cao chiếm tỷ lệ 25% và 28%. Kết quả này cũng tương đồng với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Xuân Hòa và Vũ Thị Thúy (2019). Nghiên cứu trên đã chỉ ra mức độ tương tác của sinh viên với giảng viên cao hơn nhiều so với mức độ tương tác của sinh viên với sinh viên trên nền tảng Moodle [22]. Từ kết quả này, chúng tôi nhận thấy, người dạy cần tìm giải pháp đẩy mạnh tương tác giữa sinh viên với sinh viên trong và ngoài giờ học. Người học cần tích cực trong việc xây dựng tương tác với nhau trong các nhóm học tập.

Bảng 4: Các hình thức tương tác trong lớp học online

Cách thức tương tác trong các lớp học online	Phát vấn	Thuyết trình	Bài tập	Hoạt động nhóm	Hình thức khác
Tương tác trong giờ học giữa sinh viên với sinh viên	15%	9%	26%	37%	13%
Tương tác trong giờ học giữa sinh viên với giảng viên	24%	36%	22%	10%	8%
Tương tác ngoài giờ học giữa sinh viên với sinh viên	9%	9%	29%	40%	13%
Tương tác ngoài giờ học giữa sinh viên với giảng viên	16%	9%	37%	12%	26%

Bảng 4 trình bày kết quả phân tích về cách thức tương tác trong lớp học online. Với kết quả này, chúng tôi thấy cách tương tác trong hoạt động làm việc nhóm được giảng viên triển khai cho sinh viên cả trong và ngoài giờ học chiếm tỷ trọng cao so với các phương pháp còn lại. Phương pháp học tập này được nhiều giảng viên chú ý triển khai trong lớp học, chiếm tỷ lệ cao là 37% và 40%. Đối với giảng viên, cách thức tương tác thuyết trình trong giờ học chiếm tỷ lệ cao 36% và tương tác với sinh viên ngoài giờ học qua bài tập chiếm 37%. Dựa trên cơ sở đó, các giảng viên đã đánh giá khả quan về hiệu quả tương tác trong các lớp học online. Trong đó, kết quả từ mức độ trung bình đến rất tốt đạt 80,2%, kết quả tương tác ở mức độ không tốt chỉ chiếm 19,8% (Biểu đồ 1).



Biểu đồ 1: Hiệu quả tương tác trong các lớp học online

Đúc kết chung, những cách thức tương tác như làm việc nhóm, thuyết trình và giao bài tập là phù hợp đối với các lớp học online. Ở cách thức tương tác làm việc nhóm, nhà trường cần đẩy mạnh phát triển kỹ năng làm việc nhóm cho sinh viên và cả giảng viên, ứng dụng những phương pháp làm việc nhóm hiệu quả của nghiên cứu [23] vào quá trình giảng dạy. Cụ thể, nghiên cứu trên chỉ ra 17 nguyên tắc vàng trong làm việc nhóm, trong đó có những nguyên tắc đặc biệt quan trọng như: tầm quan trọng của tư duy đồng đội và tạo tính đồng nhất, xây dựng mục tiêu chung và chia sẻ mục tiêu, phân công vai trò và nhiệm vụ phù hợp, phát triển nhóm trong những điều kiện thách thức, chọn được người lãnh đạo có tầm ảnh hưởng, phát triển giao tiếp trong nhóm. Sinh viên cũng có thể ứng dụng kết quả của nghiên cứu [24]. Trong nghiên cứu này, Hồ Viết Chương qua việc khảo sát hiệu quả làm việc nhóm trong các nhóm học tập, đã đánh giá sâu sát thực trạng làm việc nhóm của sinh viên ngành xây dựng của Đại học Vinh còn nhiều hạn chế, từ đó định hướng giải pháp khắc phục như: sinh viên cần xây dựng kế hoạch cụ thể khi làm việc nhóm, cần phân công công việc và có đánh giá theo các tiêu chí, chọn phương pháp làm việc phù hợp với đặc điểm của nhóm, chọn chủ đề phù hợp và hứng thú cũng phát huy vai trò của nhóm học tập và cuối cùng ý thức tích cực, tự giác của sinh viên trong làm việc nhóm quyết định thành công của nhóm học tập [24].

### 3.3. Đánh giá HQGD qua mức độ tiếp thu trong các lớp học online

Bảng 5: Mức độ và cấp độ tiếp thu của sinh viên trong lớp học online

Mức độ	Thấp	Trung bình	Cao	
	27%	57.1%	15.9%	
	Ghi nhớ	Hiểu	Vận dụng	Sáng tạo
Cấp độ	20%	45.6%	28.8	5.6%

Kết quả đánh giá về mức độ tiếp thu kiến thức của sinh viên được tổng hợp trong bảng 5. Mức độ tiếp thu trong các lớp học online khá khả quan. Trong đó, tỉ lệ giảng viên đánh giá sinh viên tiếp thu bài ở mức độ từ trung bình trở lên chiếm tỷ lệ cao lên đến 73% (92 người), tiếp thu kiến thức ở mức độ thấp còn 27%. Về cấp độ tiếp thu kiến thức, giảng viên đánh giá sinh viên tiếp thu ở cấp độ hiểu đến sáng tạo chiếm tỷ lệ rất cao 80%. Trong đó, cấp độ hiểu chiếm tỷ trọng 45.6% - cao nhất so với các cấp độ còn lại. 74.4% (94 người) được khảo sát cho rằng sinh viên chủ yếu tiếp thu kiến thức ở cấp độ hiểu và vận dụng kiến thức. Vì vậy, so với lớp học truyền thống, mức độ tiếp thu bài của sinh viên các lớp online chỉ thấp hơn không đáng kể. Kết quả này cũng tương đồng với kết quả khảo sát, đánh giá của Lê Hữu Nghĩa và đồng tác giả (2021) tại trường Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh [14]. Nghiên cứu [14] nhận định đánh giá của giảng viên và sinh viên về mức độ tiếp thu nội dung bài giảng trong giáo dục trực tuyến có sự tương đồng, phần lớn đánh giá đều cho rằng có thể truyền tải và tiếp thu trên 70% nội dung bài giảng.



**3.4. Đánh giá HQGD qua mức độ nỗ lực trong các lớp học online**

Bảng 6: Mức độ nỗ lực của sinh viên trong lớp học online

Các mức độ nỗ lực	Tỷ lệ			
	Tham gia ít	Tham gia trung bình	Tham gia thường xuyên	Tham gia đủ
Mức độ thường xuyên tham gia lớp học	3.2%	19%	64.3%	13.5%
Mức độ tham gia hoạt động học tập trên lớp	Không tích cực	Bình thường	Tích cực	Rất tích cực
	23%	48.4%	24.6%	4%
Mức độ thường xuyên hoàn thành các bài tập	Không bao giờ	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên
	2.4%	31%	56.3%	10.3%
Mức độ hoàn thành các bài tập	Kém	Trung bình	Khá	Tốt
	7.2%	48.8%	31.2%	12.8%
Hoàn thành bài tập đúng thời hạn	Trễ thời hạn	Đúng thời hạn	Trước thời hạn	-
	19.8%	75.4%	4.8%	-

Bảng 6 tổng hợp kết quả đánh giá về nỗ lực của sinh viên trong các lớp học online. Nỗ lực của sinh viên trong các lớp học online được đánh giá cao. Đây là kết quả đáng kỳ vọng, cần được duy trì và phát huy trong các kỳ học. Trong đó, tỷ lệ giảng viên cho rằng sinh viên tham gia lớp học ở mức độ thường xuyên và đầy đủ chiếm tỷ lệ cao là 77.8%. Có 77% giảng viên đánh giá mức độ tham gia các hoạt động của sinh viên trên lớp học đạt từ mức độ bình thường đến rất tích cực. Chỉ có 23% giảng viên đánh giá ở mức không tích cực. Các giảng viên đánh giá tích cực về mức độ thường xuyên hoàn thành bài tập, hoàn thành đúng hạn và mức độ hoàn thành bài tập của sinh viên. Cụ thể, 66.6% giảng viên cho rằng sinh viên thường xuyên hoàn thành bài tập, 80.2% cho rằng sinh viên hoàn thành bài tập đúng thời hạn và trước thời hạn, 92.8% đánh giá mức độ hoàn thành bài tập của sinh viên từ trung bình đến tốt. Kết quả này cho thấy sự cố gắng của sinh viên IUH trong giai đoạn đầu tiếp cận phương pháp mới.

**3.5. Đánh giá HQGD qua mức độ hứng thú và mức độ hài lòng trong các lớp học online**

Bảng 7: Mức độ hứng thú và mức độ hài lòng của sinh viên trong lớp học online

Mức độ hứng thú	Hoàn toàn không hứng thú	Không hứng thú	Trung bình	Hứng thú	Rất hứng thú
	5%	6%	44%	38%	7%
Mức độ hài lòng	Hoàn toàn không hài lòng	Không hài lòng	Trung bình	Hài lòng	Rất hài lòng
	3.2%	19.8%	23.8%	49.2%	4%

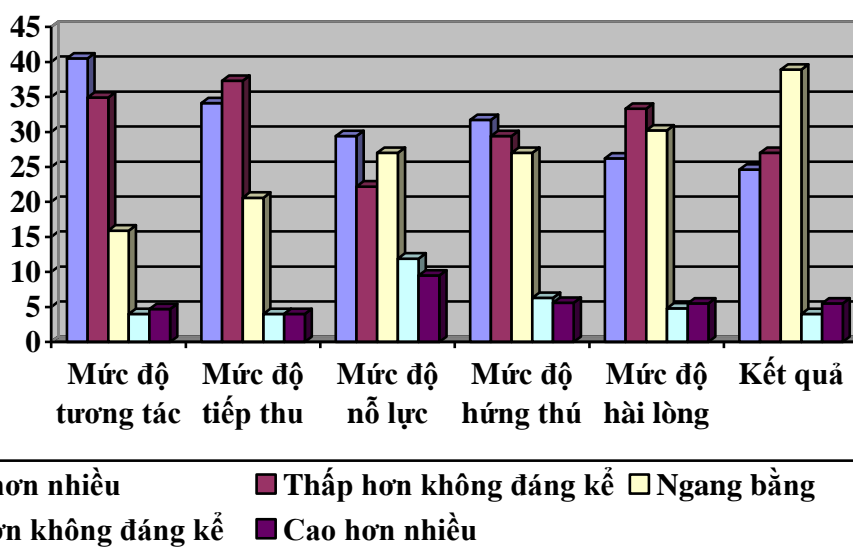
Bảng 7 trình bày kết quả đánh giá của giảng viên về mức độ hứng thú và mức độ hài lòng sinh viên biểu hiện trong các lớp học online. Có 89% giảng viên đánh giá mức độ hứng thú của sinh viên từ trung bình trở lên. Tỷ lệ đánh giá của giảng viên cho mức độ hài lòng của sinh viên từ trung bình trở lên đạt 77%. Mức độ hứng thú có tỷ lệ đánh giá cao hơn mức độ hài lòng xét từ mức trung bình trở lên. Trong đó, đa số giảng viên đánh giá rằng sinh viên hứng thú ở mức trung bình, chiếm tỷ lệ là 44%; còn mức độ hài lòng với lớp học online, giảng viên đánh giá ở mức hài lòng, chiếm tỷ lệ cao là 49.2%. Số liệu này cho thấy sinh viên sẵn sàng tiếp nhận phương pháp giảng dạy mới và thích nghi với phương pháp này ở mức độ vừa phải. Bảng 8 cung cấp thông tin về mức độ hài lòng của giảng viên về (i) Điều kiện học tập và giảng dạy, (ii) thái độ học tập của sinh viên, (iii) phương pháp học online của sinh viên, (iiii) kết quả học tập của sinh viên. Đa số giảng viên đánh giá các khía cạnh kể trên ở mức hài lòng, biến thiên từ tỷ lệ 37% cho thái độ học tập đến 44% về điều kiện học tập và giảng dạy. Kết quả khảo sát còn cho thấy, tỷ lệ hài lòng cao hơn nhiều so với tỷ lệ không hài lòng: (i) 52%/22%, (ii) 43%/25%, (iii) 43%/26%, (iiii) 45%/18%.

Bảng 8: Mức độ hài lòng của giảng viên về các phương diện

Cảm nhận về lớp học online xét theo các phương diện	Hoàn toàn không hài lòng	Không hài lòng	Bình thường	Hài lòng	Rất hài lòng
Về điều kiện học tập và giảng dạy	8 6%	20 16%	32 25%	56 44%	10 8%
Về thái độ học tập của sinh viên	5 4%	27 21%	41 33%	46 37%	7 6%
Về phương pháp học tập online của sinh viên	8 6%	25 20%	39 31%	48 38%	6 5%
Về kết quả học tập của sinh viên	5 4%	18 14%	46 37%	51 40%	6 5%

Kết quả phân tích trong bảng 7 và 8, cho thấy đánh giá của giảng viên về mức độ hứng thú và mức độ hài lòng của các lớp học online rất tích cực. Trong thời gian tới, nhà trường cần nỗ lực cải thiện một số chỉ số làm giảm tỷ trọng không hứng thú và không lòng của sinh viên trong các lớp học online, để phương pháp giảng dạy online có thể đáp ứng được nhu cầu của người học và thu hút người học. A.G. Kovaliov từng phát biểu: “Hứng thú học tập chính là thái độ lựa chọn đặc biệt của chủ thể đối với đối tượng của hoạt động học tập, vì sự thu hút về mặt tình cảm và ý nghĩa thực tiễn của nó trong đời sống của cá nhân” [25]. Theo Đỗ Phương Quỳnh và đồng tác giả (2020), hứng thú học tập chính là hiệu quả của việc dạy và học [26]. Vì vậy, việc nâng cao hứng thú và hài lòng trong học tập của sinh viên trường IUH có thể là biện pháp hữu hiệu để nâng cao hiệu quả giảng dạy của trường IUH.

### 3.6. Đánh giá so sánh HQGD giữa lớp học online và lớp học truyền thống



Biểu đồ 2: So sánh chỉ báo HQGD giữa các lớp học online và các lớp học truyền thống

Kết quả khảo sát được trình bày trong biểu đồ 2 cho thấy, 40.5% giảng viên đánh giá mức độ tương tác trong lớp học online thấp hơn nhiều so với lớp học truyền thống. Kết quả này tương đồng với kết quả trong nghiên cứu [27], nghiên cứu chỉ ra rằng rất khó để kiểm soát tương tác nhóm trong lớp học trực tuyến. Theo [13], 76.4% giảng viên cho biết thiếu sự tham gia tương tác nhóm của sinh viên. Họ cho rằng sinh viên trong các lớp học trực tuyến bao biện và tỏ ra thiếu nghiêm túc. Điều này có xu hướng làm cho giảng viên cảm thấy mất động lực. Mặt khác, sinh viên được khảo sát trong nghiên cứu [27] cũng cho rằng thiếu sự tương tác trong các lớp học trực tuyến. Đa số sinh viên (60.4%) cho biết các lớp học online ít tương tác hơn, không có giao tiếp giữa học sinh hoặc với giáo viên và khiến việc tham gia lớp học trở nên khó khăn hơn. Vì vậy, họ cảm thấy các lớp học trực tuyến kém sinh động, thiếu bầu không khí thân thiện và tương tác xã hội [27]. Đây là vấn đề cần cải thiện bằng các giải pháp hỗ trợ kịp thời để có thể thay đổi tình trạng này, nhằm nâng cao tương tác trong các lớp học online. Kết quả khảo sát cũng cho thấy về mức độ nỗ lực và mức độ hứng thú của sinh viên trong các lớp học online thấp hơn nhiều so với lớp học truyền thống. Đây là vấn đề cần đi tìm nguyên nhân cụ thể, nhằm đánh giá được các nhân tố gây ra hạn chế này để tìm giải pháp khắc phục. Về mức độ tiếp thu kiến thức và mức độ hài lòng của sinh viên trong lớp học online so với lớp học truyền thống, giảng viên đánh giá ở mức thấp hơn không đáng kể; cụ thể, tỷ lệ giảng viên đánh giá mức độ so sánh thấp hơn không đáng kể ở mức độ tiếp thu bài là 37.3% và mức độ hài lòng là 33.3%. Vấn đề này cũng cần quan tâm, giảng viên cần chú ý đến phương pháp giảng dạy và quan tâm nhiều hơn đến việc tiếp thu kiến thức và sự hài lòng trong học tập của sinh viên. Đây là nhân tố quan trọng của quá trình học tập, tiếp nhận kiến thức. Theo đánh giá của 38.9% giảng viên, kết quả học tập của sinh viên trong lớp học online rất tích cực, đánh giá kết quả trong các lớp học online ngang bằng với kết quả ở các lớp học truyền thống. Điều này cho thấy hai vấn đề khả quan: Thứ nhất, sinh viên trong các lớp học online coi trọng kết quả học tập và có những nỗ lực để nâng cao điểm số. Thứ hai, giảng viên cũng có những phương pháp ôn luyện và quan tâm đến sinh viên trong thi cử. Kết quả học tập trong các lớp học online còn chứng minh những nỗ lực và cố gắng của sinh viên và giảng viên trong giai đoạn đầu tiếp cận phương pháp học tập mới.

### 3.7. Ý kiến của giảng viên về biện pháp cải thiện HQGD trong các lớp học online

Để có những đề xuất, kiến nghị về giải pháp thêm sâu sát và hữu hiệu, chúng tôi tiến hành thảo luận nhóm với 10 giảng viên đã có trải nghiệm giảng dạy online qua ba học kỳ: học kỳ II năm học 2019-2020, học kỳ I và II năm học 2020 - 2021. Thời điểm khảo sát vào tháng 4 năm 2021 nên so sánh các nội dung tập trung ở hai học kỳ: học kỳ II năm học 2019- 2020 – thời điểm bắt đầu học online và học kỳ II năm học 2020 -2021 – thời điểm thảo luận nhóm. Nội dung thảo luận tập trung vào 02 vấn đề quan trọng: các giải pháp cải thiện mức độ tương tác trong các lớp học online và các giải pháp đối với ứng dụng công nghệ trong giảng dạy online. Kết quả của thảo luận nhóm được thống kê và phân tích trong bảng 9.

Bảng 9: Biện pháp nâng cao HQGD online

Biện pháp	Câu hỏi	Nội dung thảo luận	Tỷ lệ thống nhất	Lý giải cách thức
Nâng cao tương tác trong giờ học và ngoài giờ học (tương tác giữa giảng viên với sinh viên và giữa sinh viên với sinh viên)	Giảng viên sử dụng phương pháp nào để nâng cao tương tác trong lớp học online?	- Làm việc nhóm trong nhóm học tập qua việc cùng làm một dự án, một chủ đề	100 %	- Đánh giá quá trình làm việc của sinh viên có minh chứng cụ thể.
		- Bài tập nhóm	100%	- Đánh giá sinh viên qua sự phối hợp, cộng tác, trao đổi để hoàn thành bài tập.
		- Thảo luận chủ đề trong giờ học qua các phòng trong Zoom hoặc group Zalo	80%	- Đánh giá sinh viên qua mức độ trao đổi, chia sẻ ý tưởng, có sự quan sát của giảng viên. Có đúc kết, đánh giá kết quả của từng nhóm.
		- Phát vấn – Thuyết trình	100%	- Gọi tên sinh viên tham gia thuyết trình, khuyến khích những ý tưởng mới, phản biện.

		- Thảo luận chủ đề theo tuần trên khối bình luận của LMS	70%	- Giảng viên tạo chủ đề, sinh viên tham gia thảo luận qua tin nhắn trên khối bình luận. Cộng điểm cho những tham luận tốt
		- Thảo luận cùng sinh viên	50%	- Giảng viên lập group “Thảo luận cùng sinh viên” qua Zoom hoặc qua LMS, chọn khung giờ cố định để trao đổi các vấn đề, các thắc mắc của sinh viên liên quan đến học tập.
	Theo giảng viên, có sự thay đổi như thế nào về mức độ tương tác giữa HK II năm 2020 và HK II năm 2021?	- Thay đổi theo chiều hướng tích cực, mức độ tương tác cao hơn nhiều. Sinh viên chủ động tương tác, kết hợp làm việc nhóm vừa trực tuyến vừa trực tiếp.	70%	- Giảng viên có những phương pháp mới để khuyến khích tương tác của sinh viên. Sinh viên chủ động và thành thạo hơn trong việc sử dụng công nghệ.
		- Mức độ tương tác chưa có thay đổi nhiều và hạn chế ở một số lớp.	30%	- Sinh viên còn bỡ ngỡ với công nghệ, hạn chế trong kỹ năng làm việc nhóm, ngại phát biểu, thiếu động lực học tập.
<b>Sử dụng công nghệ hỗ trợ giảng dạy online</b>	Giảng viên nhận xét gì về công nghệ hỗ trợ giảng dạy online tại trường IUH?	- Nhà trường hỗ trợ kịp thời về công nghệ, triển khai đồng bộ phần mềm Zoom và LMS.	100%	- Nhà trường có huấn luyện bước đầu về cách sử dụng phần mềm Zoom và LMS nhưng chưa đồng bộ.
		- Việc huấn luyện chuyên sâu chưa được triển khai. Giảng viên bỡ ngỡ trong việc sử dụng các tính năng của LMS.	100%	- Nhà trường cần có những khóa huấn luyện chuyên sâu về sử dụng phần mềm LMS cho nhóm giảng viên thường xuyên dạy các lớp online.
		- Sử dụng phòng dạy online và phòng chuyên dụng để thiết kế các bài giảng E –Learning chưa được triển khai đến giảng viên.	100%	- Nhà trường cần triển khai hỗ trợ sớm cho giảng viên về phòng dạy online và phòng chuyên dụng để thiết kế các bài giảng E – Learning.
		- Mạng lưới Internet trong trường chưa hỗ trợ đủ cho nhu cầu sử dụng của sinh viên và giảng viên. Sinh viên thường bị thoát ra khỏi phòng học zoom do đường truyền kém.	100%	- Nhà trường cần nâng cấp đường truyền Internet để phục vụ nhu cầu giảng dạy và học tập online. Nhà trường có thể chọn những địa điểm phù hợp với việc học online của sinh viên và công bố cho sinh viên biết thông tin.
		- Phần mềm Zoom của một số công không ổn định, gây khó khăn cho việc triển khai giảng dạy, học tập của các lớp học online.	100%	- Nhà trường cần khắc phục sớm sự cố về phần mềm Zoom, khi đã nắm bắt thông tin, không nên để lặp lại liên tục ảnh hưởng đến HQGD.
		- Sử dụng phối hợp các phần mềm Zoom, LMS, Class room và các Group của mạng xã hội Zalo, Facebook trong quá trình giảng dạy.	80%	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên sử dụng các phần mềm trong quá trình giảng dạy. Tùy từng tình huống, chủ đề, bài học để lựa chọn cách thức làm việc phù hợp cho sinh viên.
	- Khai thác các tính năng của Zoom và LMS để sử dụng trong giờ học và ngoài giờ học	100%	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên tham gia hoạt động và giảng viên đã tạo trên phần mềm Zoom và LMS.	

#### 4. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Việc khảo sát lấy ý kiến đánh giá của giảng viên trường IUH về HQGD online cho chúng tôi cái nhìn toàn cảnh về hiệu quả giảng dạy online trong thời gian đầu triển khai. Dù triển khai thực hiện hình thức giảng dạy mới còn nhiều trở ngại nhưng bằng sự nhạy bén và thích ứng nhanh của cả giảng viên và sinh viên, phương pháp giảng dạy online cũng thu nhận những kết quả đáng khích lệ về mức độ nỗ lực, kết quả học tập của sinh viên trong các lớp học online. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu cho thấy có nhiều hạn chế về tương tác trong các lớp học online.

Hiện tại, nhà trường vẫn chỉ đạo thực hiện triển khai đồng bộ các lớp học online và các lớp học truyền thống. Để sinh viên và giảng viên tham gia các lớp học online cách chủ động và hiệu quả, chúng ta cần khắc phục những hạn chế đang tồn tại của hình thức giảng dạy online tại trường IUH. Chúng tôi nêu khuyến nghị về một số khía cạnh cần chú trọng trong dạy và học online như sau:

*Thứ nhất, về phía nhà trường:*

Nhà trường cần hỗ trợ sinh viên về kỹ năng tin học, kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin mạng, đặc biệt là kỹ năng khai thác và sử dụng hiệu quả các phần mềm học trực tuyến đang được triển khai tại trường: Zoom, LMS. Nghiên cứu [16, 28] đã định hướng rõ một phần liên quan về nội dung này. Vấn đề này, nhà trường cần triển khai trực tiếp qua các khóa tập huấn cơ bản, chuyên sâu và gián tiếp qua các video hướng dẫn. Mặt khác, nhà trường thực hiện nâng cấp về phương tiện, hạ tầng công nghệ: đường truyền Internet, phòng dạy online với các công cụ, phương tiện phù hợp, các nhân tố này đã được đề cập trong nghiên cứu [18,19]; phòng công nghệ, hỗ trợ giảng viên quay video các bài giảng để đẩy nhanh tiến độ ứng dụng E-learning và phát triển phù hợp với phương pháp giảng dạy E-learning. Cuối cùng, đơn vị đào tạo có phương án sắp xếp thời gian biểu phù hợp để sinh viên các lớp học online thuận tiện tham gia lớp học.

*Thứ hai, về phía giảng viên:*

Giảng viên cần thay đổi phương pháp giảng dạy: tổ chức thảo luận nhóm và làm việc nhóm hiệu quả, trong và ngoài giờ học. Giảng viên tổ chức cho sinh viên học tập làm việc nhóm theo dự án (PBL) và có phương pháp kiểm tra, đánh giá thiết thực. Phương pháp này cũng đã được nghiên cứu và đề xuất trong nghiên cứu [29]. Giảng viên thiết kế bài giảng phù hợp, trình bày slide sinh động, hấp dẫn; nhân tố này được nghiên cứu [17] nhấn mạnh; dạy học qua hình ảnh, video để trực quan và gợi mở tư duy sáng tạo. Giảng viên nâng cao mức độ tương tác và tạo hứng thú học tập cho sinh viên qua giao tiếp với người học cả trong và ngoài giờ học, các nhân tố này được đề cập trong nghiên cứu [14, 20]. Cụ thể, giảng viên nên sử dụng hiệu quả các nền tảng mạng xã hội như: Zalo, Facebook, ... để tương tác và hỗ trợ sinh viên kịp thời; tiến hành các cuộc thảo luận theo chủ đề trên các khối bình luận của LMS và khuyến khích sinh viên trao đổi kiến thức và kỹ năng qua việc nêu quan điểm cá nhân về chủ đề. Ngoài ra, giảng viên cần triển khai hiệu quả hoạt động chia nhóm thảo luận trên Zoom, cần theo dõi và đánh giá sát các phòng được chia, khuyến khích những nhóm tích cực và chấn chỉnh những nhóm hoạt động kém hiệu quả. Giảng viên dành giờ cho chuyên mục “Thảo luận cùng sinh viên” vừa tạo cho sinh viên tương tác chủ động, vừa giúp sinh viên hiểu sâu kiến thức và rèn kỹ năng tư duy phản biện cho sinh viên.

*Thứ ba, về phía sinh viên:*

Sinh viên trước nhất phải xây dựng tính tự giác, chủ động trong học tập. Người học cần tạo cho mình động lực và hứng thú học tập [21, 26]; tạo không gian học tập riêng tư, góc học tập yên tĩnh, để có thể tập trung cao trong giờ học. Sinh viên phải tích cực tương tác với giảng viên bằng câu hỏi và phản biện. Sinh viên tích cực tham gia thảo luận nhóm để nâng cao tương tác, chia sẻ. Phát huy kỹ năng làm việc nhóm trong môi trường nhóm học tập. Bên cạnh đó, sinh viên chủ động sắp xếp đăng ký lịch học online phù hợp, thuận tiện. Cuối cùng, sinh viên cần trang bị tốt hơn về công nghệ, đường truyền Internet; nỗ lực tìm hiểu và nâng cao năng lực sử dụng công nghệ nhằm phát huy hiệu quả trong học tập; nhân tố này được nhấn mạnh trong nghiên cứu [21]. Kết quả của nghiên cứu [30] cũng giới thiệu về E-learning và trình bày cách ứng dụng cụ thể. Cụ thể, nghiên cứu trên đã đánh giá về việc triển khai E-Learning dựa trên phần mềm mã nguồn mở (open source) như Moodle, Dokeos để tiết kiệm chi phí trong quá trình triển khai và đảm bảo những tính năng cơ bản, cho phép giảng viên quản lý và cung cấp bài giảng trên môi trường web một cách rất dễ dàng với 4 nhóm chức năng chính: soạn thảo, tương tác, báo cáo và quản trị; nghiên cứu này cũng đánh giá ứng dụng công nghệ đóng vai trò quan trọng trong công tác giảng dạy và

học tập, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Sinh viên có thể ứng dụng thành quả này, để phát huy sức mạnh của công nghệ trong học tập online [30].

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Ngọc Linh, 2020. “Giáo dục trực tuyến ở Việt Nam - Thị trường tiềm năng”. *Đổi mới sáng tạo*. <https://doimoisangtao.vn/news/gio-dc-trc-tuyn-vit-nam> [Ngày truy cập: 28 tháng 6 năm 2020].
- [2]. Công Thương, 2020. “Hiệu đúng những giá trị của lớp học trực tuyến”. *Quản lý chương trình Etep Bộ giáo dục và đào tạo*. <http://etep.moet.gov.vn/tintuc/chitiet?Id=1310>. [Ngày truy cập: 19 tháng 6 năm 2020]
- [3]. Thủ tướng Chính phủ, 2005. Quyết định số 112/2005/QĐ - TTg ngày 18/05/2005 về việc phê duyệt Đề án “*Xây dựng xã hội học tập trong giai đoạn 2005 - 2010*”.
- [4]. Nguyễn Hoàng, 2014. “Giáo dục Việt Nam và xu hướng E-learning”. *Báo dân trí*. <https://dantri.com.vn/suc-manh-so/giao-duc-viet-nam-va-xu-huong-e-learning-1407947936.htm>. [Ngày truy cập: 01 tháng 04 năm 2021]
- [5]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020. Công văn số 795/BGDĐT-GDDH “*Triển khai công tác ĐTTX ứng phó với dịch Covid-19*”.
- [6]. Nguyen, T. T. H., Sivapalan, S., Pham, H. H., Nguyen, L. T. M., Pham, A. T. V., & Dinh, H. V, 2020. “Students’ adoption of e-learning in emergency situation: the case of a Vietnamese university during Covid-19”. *Interactive Technology and Smart Education*, Vol. ahead-of-print No. ahead-of-print. ISSN: 1741-5659. <https://doi.org/10.1108/ITSE-08-2020-0164>.
- [7]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020. Công văn số 4003/BGDĐT-CNTT “*Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ CNTT năm học 2020 – 2021*”.
- [8]. Howlett, D., Vincent, T., Gainsborough, N., Fairclough, J., Taylor, N., & Vincent, 2009. *Integration of a Case-Based Online Module into an Undergraduate Curriculum: What is involved and is it effective? Online Learning*, 6 (4), 372-384.
- [9]. Ruth C. Clark, & Richard E. Mayer, 2016. *E-Learning and the Science of Instruction: Proven Guidelines for Consumers and Designers of Multimedia Learning. Fourth Edition*
- [10]. Joi L. Moorea & Camille Dickson-Deaneb, 2010. “e-Learning, online learning, and distance learning environments: Are they the same?”. *The Internet and Higher Education*. Volume 14, Issue 2, March 2011, Pages 129-135.
- [11]. Trịnh Văn Biều, 2012. Một số vấn đề về đào tạo trực tuyến (E-learning). *Tạp chí Khoa học*, Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh, số 40.
- [12]. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, 2017. “*Đào tạo trực tuyến trong thời kỳ Cách mạng Công nghiệp 4.0*”. Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
- [13]. Zandberg, I. & Lewis, L, 2008. *Technology-based distance education courses for public elementary and secondary school students*: National Center for Educational Statistics. 2002-03 and 2004-05. (NCES 2008-08). Washington, D.C.:
- [14]. Lê Hữu Nghĩa và đồng tác giả, 2021. Đánh giá của giảng viên và sinh viên về chất lượng phần mềm và hiệu quả dạy - học trực tuyến mùa dịch covid-19 tại Khoa Y học Cổ truyền Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học*, Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh, Tập 18, Số 2 (2021): 358-367. ISSN: 1859-3100.
- [15]. Parvin Lakbala, 2016. Barriers in Implementing E-Learning in Hormozgan University of Medical Sciences. *Global Journal of Health Science*, 8 (7), 83-91.
- [16]. Phan Chí Thành, 2018. Cách mạng công nghiệp 4.0 - Xu thế phát triển của giáo dục trực tuyến. *Tạp chí Giáo dục*, số 421, tr 43-46.

- [17]. Lê Văn Toán, Trương Thị Diễm, 2020. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo trực tuyến trong giáo dục đại học trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0. *Tạp chí Giáo dục*, số đặc biệt kỳ 2 tháng 5/2020, tr 33-36 ISSN.
- [18]. Samnan Ali, M. Amaad Uppal, & Stephen R. Gulliver, 2018. A conceptual framework highlighting e-learning implementation barriers. *Information Technology & People*, 156-180
- [19]. Mahdi Alhaji Musa, & Mohd Shahizan Othman, 2012. Critical success factor in e-learning: an examination of technology and student factors, *International Journal of Advances in Engineering & Technology*, 3 (2), 140-148
- [20]. Hye Chang, & Heeyoung Han, 2020. Teaching online: foundational concepts of online learning and practical guidelines. *Korean Journal of Medical Education*.
- [21]. Diane O'Doherty, Marie Dromey, Justan Lougheed, Ailish Hannigan, Jason Last and Deirdre McGrath, 2018. Barriers and solutions to online learning in medical education – an integrative review. *BMC Medical Education* 18:130.
- [22]. Nguyễn Xuân Hòa, Vũ Thị Thúy, 2019. “Hiệu quả sử dụng một số tính năng của phần mềm Moodle trong giảng dạy vật lý - lý sinh cho sinh viên hệ cử nhân điều dưỡng”. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên*. 206 (13): 49 – 53. ISSN: 1859-2171, e-issn: 2615-9562
- [23]. Jonh. C Maxwell, 2018. “17 Nguyên tắc vàng trong làm việc nhóm”. NXB Lao động.
- [24]. Hồ Việt Chương và đồng tác giả, 2017. “Thực trạng tổ chức làm việc theo nhóm các học phần đồ án kỹ thuật ngành xây dựng và đề xuất các giải pháp”. *Tạp chí Quản lý Giáo dục*. Học viện Quản lý Giáo dục quốc gia, vol. 9, no. 1, pp. 86-90
- [25]. N. T. Pham, 2008. “Interesting measures in teaching chemistry in high school”. Luận văn thạc sĩ. Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- [26]. Đỗ Thị Phương Quỳnh và đồng tác giả, 2020. “Đánh giá hiệu quả khi sử dụng phần mềm R trong giảng dạy phần ước lượng và kiểm định cho sinh viên năm thứ Nhất trường Đại học Y dược - Đại học Thái Nguyên”. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*. Đại học Thái Nguyên, 225(10): 204 – 209
- [27]. Deepika Nambiar, 2020. “The impact of online learning during Covid-19: students’ and teachers’ perspective”. *The International Journal of Indian Psychology*. Volume 8, Issue 2.
- [28]. Gabriela Carmen Oproiu, 2015 “A Study about Using E-learning Platform (Moodle) in University Teaching Process”. *Procedia - Social and Behavioral Sciences* 180, pp. 426-432.
- [29]. Ninh Thị Bạch Diệp, Nguyễn Văn Hồng, 2015. “Đổi mới kiểm tra, đánh giá trong dạy học theo nhóm nhỏ”. *Tạp chí Giáo dục*, số 367.
- [30]. Trần Thanh Điện và Nguyễn Thái Nghe, 2017. “Các mô hình e-learning hỗ trợ dạy và học”. *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Cần Thơ. Số chuyên đề: Công nghệ Thông tin: 103-111.

Ngày nhận bài: 27/04/2021

Ngày chấp nhận đăng: 23/06/2021